

Bản án số: 09/2024/HS-ST  
Ngày 11 - 3 - 2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông TRẦN QUANG HÒA

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Huấn và bà Hoàng Thị Thu Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ma Văn Chung, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:**

- Ông Hoàng Văn Đức - Kiểm sát viên.

- Ông Hoàng Vĩnh Thụy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Nông Văn Đ (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 09 tháng 7 năm 19xx tại xã L (Nay là xã S), huyện N, tỉnh Bắc Kạn; HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn N, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) lớp 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn A và bà Lưu Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: 01; tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 22/2015/HSST ngày 10/7/2015; bản án số 22/2016/HSST ngày 31/8/2016; bản án số 30/2016/HSST ngày 29/11/2016 cùng của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn, bị cáo đã bị các bản án trên tuyên phạt cùng về tội trộm cắp tài sản lần lượt: 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án; 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/02/2016; 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2016; Quyết định số 24/QĐ-XPHC ngày 12/02/2018 của Công an huyện N đã xử phạt bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền; Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 29/10/2021 của Công an thị trấn Y, huyện N đã xử phạt bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền; Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng số 725/QĐ-UBND ngày 09/5/2011 của UBND huyện N; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/01/2024 đến nay đến nay có mặt tại phiên tòa.

**\* Bị hại:**

- Bà Phạm Thị V, sinh năm: 19xx, (Vắng mặt);  
Địa chỉ: Thôn P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 01/01/2024, bà Phạm Thị V để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max của bà V trên kệ để đồ trong phòng ngủ của bà V tại nhà bà V thuộc thôn P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Khoảng 06 giờ ngày 02/01/2024, bà V tìm không thấy chiếc điện thoại nên đã trình báo Công an thị trấn Y, huyện N để giải quyết sự việc.

Sau khi tiếp nhận thông tin tố giác tội phạm, Công an thị trấn Y đã tiến hành truy xét và xác định người thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động của bà V là Nông Văn Đ. Sau đó Đ đã giao nộp chiếc điện thoại trộm cắp được của bà V cho Cơ quan Công an huyện N. Ngày 02/01/2024, Công an thị trấn Y đã chuyển tài liệu, vật chứng là chiếc điện thoại do Đ trộm cắp đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện N để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 03/01/2024, cùng có mặt Nông Văn Đ, Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã tiến hành khám nghiệm hiện trường đối với vụ việc. Quá trình khám nghiệm Đ xác định chính xác vị trí trộm cắp chiếc điện thoại của bà V vào rạng sáng ngày 02/01/2024 tại buồng ngủ của bà V.

Ngày 02/01/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện N ban hành Yêu cầu định giá tài sản số 09 để xác định giá trị của chiếc điện thoại di động. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 03/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: Giá trị của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, màu xám, dung lượng bộ nhớ 256GB tại thời điểm bị mất trộm là 5.530.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Nông Văn Đ đã ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của bản thân phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo trình tự tố tụng hình sự, cụ thể như sau: Khoảng 02 giờ ngày 02/01/2024, do thèm thuốc lá nên Đ đi bộ một mình từ nhà ở của Đ ra hướng chợ đầu mối nông lâm sản huyện N để tìm những mẩu thuốc lá hút. Khi đến ngã ba đường rẽ lên sân vận động L cũ thuộc thôn P, thị trấn Y thì Đ thấy nhà bà Phạm Thị V có điện sáng nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đ đi vòng qua sau nhà bà V, quan sát thấy cửa phụ sau nhà bà V không khóa nên đi vào trong nhà thấy buồng ngủ có ánh điện và cửa buồng ngủ chỉ khép hờ, Đ đẩy cửa buồng nhìn vào thấy bà V đã ngủ say, quan sát thấy 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng để trên kệ ở gần cửa buồng ngủ nên lén lút trộm cắp chiếc điện thoại này cho vào túi áo đang mặc trên người rồi theo đường đã vào nhà trước đó để trở về nhà. Trên đường về nhà Đ mở mặt khóa điện thoại nhiều lần và đến lần nhập các số lần lượt 1980 thì mở được mặt khóa. Sau khi mở được mặt khóa điện thoại thì Đ xóa hết dữ liệu trong điện thoại và khôi phục điện thoại về cài đặt gốc, đặt lại mật khẩu lần lượt là 261201. Sau đó Đ tháo thẻ sim trong điện thoại, tắt nguồn điện thoại đem cất giấu ở ngoài bờ rào

của gia đình rồi đi ngủ. Đến 07 giờ ngày 02/01/2024, Đ đốt chiếc sim đã tháo ra từ chiếc điện thoại trộm cắp được. Khoảng một lúc sau thì Đ bị Cơ quan Công an mời ra trụ sở UBND thị trấn Y làm việc, sau đó Đ đã giao nộp chiếc điện thoại do Đ trộm cắp được của bà V cho Cơ quan Công an. Trước đó, Đ đã chấp hành xong 04 bản án của Tòa án nhân dân huyện N và quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, ngoài ra Đ còn bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính hai lần về cùng hành vi trộm cắp tài sản vào các năm 2018 và 2021.

### **Vật chứng của vụ án:**

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS max, màu xám, dung lượng bộ nhớ 256GB là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Phạm Thị V nên ngày 17/01/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã trả lại cho bà V là có căn cứ nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi đã nhận lại chiếc điện thoại di động bà V không còn yêu cầu Nông Văn Đ bồi thường gì thêm. Đối với chiếc sim điện thoại đã bị tiêu hủy thì bà V cũng không có yêu cầu gì đối với Đ.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT-VKS-NR ngày 15/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xét xử bị cáo: Nông Văn Đ về tội "Tội trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Sau đây viết tắt là BLHS 2015).

Tại phiên tòa, Nông Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân đúng như lời khai của Đ tại cơ quan điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố. Ngoài ra Đ còn khai nhận: Ngoài phạm tội lần này, thì trước đó Đ đã bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử bằng 04 bản án về tội "Tội trộm cắp tài sản". Trong các lần phạm tội trước đó và lần phạm tội lần này thì Đ không nhằm mục đích lấy giá trị của tài sản của mỗi lần trộm cắp làm nguồn sống chính cho bản thân. Trong quá trình điều tra, Đ không bị tạm giữ tài sản, đồ vật gì. Bản thân Đ làm lao động tự do, thu nhập không ổn định; cha mẹ bị cáo đã ly hôn, hiện nay gia đình bị cáo chỉ có mẹ và bị cáo sống nương tựa vào nhau. Ngoài ra Đ không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phần tranh tụng và lời nói sau cùng, Đ không có ý kiến gì mức hình phạt chính và tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại biên bản ghi lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt của bà Phạm Thị V đã khai nhận các tình tiết liên quan đến chiếc điện thoại di động của bà bị Nông Văn Đ chiếm đoạt đúng như bản cáo trạng. Chiếc điện thoại bị Đ chiếm đoạt trái phép là tài sản thuộc sở hữu của bà V. Về trách nhiệm dân sự: Chiếc điện thoại di động của bà đã được Cơ quan Công an huyện trả lại cho bà nên bà không yêu cầu Đ phải bồi thường gì thêm cho bà; bà cũng không yêu cầu Đ phải bồi thường về chiếc sim điện thoại đã bị Đ đốt. Về trách nhiệm hình sự, bà V đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra bà V không có ý kiến gì khác.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nông Văn Đ phạm tội "Tội trộm cắp tài sản" và đề nghị Tòa án: Áp dụng khoản 1

Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ từ 15 tháng đến 18 tháng tù giam, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Do bà Phạm Thị V không có yêu cầu trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên trách nhiệm dân sự của bị cáo đối bà Phạm Thị V không được đặt ra để xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật .

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về tố tụng:** Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện Na Rì, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có mặt và bị hại vắng mặt không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị hại vắng mặt. Người tham gia tố tụng có mặt và Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị hại vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có lời khai. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 BLTTHS 2015.

**[2] Về trách nhiệm hình sự:** Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 02/01/2024, lợi dụng đêm khuya, vắng người, cửa hậu nhà bà Phạm Thị V thuộc thôn P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn không chốt, khóa, còn sáng đèn nên bị cáo Nông Văn Đ đã lén lút vào nhà bà V chiếm đoạt trái phép 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone XS max thuộc sở hữu của bà V. Tại kết luận số: 01/KL-HĐĐGTS ngày 03/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N đã kết luận: Trị giá của chiếc điện thoại mà bị cáo đã chiếm đoạt trái phép của bà V tại thời điểm bị trộm cắp là 5.530.000 đồng.

Ngoài phạm tội lần này, thì trước đó bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử bằng 04 bản án về tội “Tội trộm cắp tài sản”. Trong các lần phạm tội trước đó và lần phạm tội lần này thì bị cáo không nhằm mục đích lấy giá trị của tài sản của mỗi lần trộm cắp làm nguồn sống chính cho bản thân bị cáo.

Do vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành "Tội trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS 2015.

Điều luật có nội dung: " 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

### **[3] Xét về các tình tiết quyết định mức hình phạt:**

Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo Đ là ít nghiêm trọng. Khi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện nên bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo Đ đã trực tiếp xâm phạm vào quan hệ sở hữu tài sản của người khác được Luật hình sự bảo vệ; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

Về nhân thân: Tại bản án số 22/2015/HSST ngày 10/7/2015; bản án số 22/2016/HSST ngày 31/8/2016; bản án số 30/2016/HSST ngày 29/11/2016 cùng của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, bị cáo đã bị các bản án trên tuyên phạt cùng về tội trộm cắp tài sản lần lượt: 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án; 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/02/2016; 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2016. Quyết định số 24/QĐ-XPHC ngày 12/02/2018 của Công an huyện N đã xử phạt bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền; Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 29/10/2021 của Công an thị trấn Y, huyện N đã xử phạt bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền; Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng số 725/QĐ-UBND ngày 09/5/2011 của UBND huyện N. Bị cáo không có tiền sự. Tiền án: Ngày 20/5/2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 10 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản" bằng bản án số 11/2022/HSST và bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù theo giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 413/GCN ngày 04/3/2023 của Trại giam Quyết Tiến – Cục C10 và tiền án phí hình sự sơ thẩm của các bản án trên theo biên bản xác minh ngày 23/01/2024 của Cơ quan CSĐT Công an huyện với Chi cục Thi hành dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Khi chưa được xóa án tích cho bản án trên, thì ngày 02/01/2024 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Từ các tình tiết nêu trên cho thấy, dù đã phải chấp hành các quyết định quản lý cưỡng chế của Nhà nước, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện thành công dân có ích cho xã hội mà tiếp tục vi phạm pháp luật. Do vậy, Tòa án sẽ xem xét, cân nhắc khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Do trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra, bị hại còn đề nghị xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, nên được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS 2015. Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS 2015.

Căn cứ vào các tình tiết trên, tổng hợp các tình tiết của vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy: Cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian và phải chịu một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo mới đảm bảo mục đích giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

**Về hình phạt bổ sung:** Do bản thân bị cáo là lao động tự do; thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng; hiện nay chỉ có hai mẹ con sống nương tựa vào nhau. Xác định bị cáo không có khả năng thi hành án nên xét thấy cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp.

**[4] Về trách nhiệm dân sự:** Do tài sản đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Phạm Thị V, nên bà V không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Đối với chiếc sim điện thoại bị bị cáo tiêu hủy bà V cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên trách nhiệm dân sự đối của bị cáo đối với bà Phạm Thị V không được đặt ra để giải quyết.

**[5] Về án phí:** Buộc bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[6]** Quan điểm giữ nguyên nội dung bản cáo trạng; các điều luật, tội danh, mức hình phạt chính; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng đối với bị cáo của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS 2015;

Căn cứ các Điều 136, 292, 331, 333 của BLTTHS 2015.

Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**[1] Về Tội phạm:** Tuyên bố bị cáo Nông Văn Đ (Tên gọi khác: Không có) phạm tội "Tội trộm cắp tài sản".

**[2] Về hình phạt chính:** Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ 15 (Mười lăm) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.


**Hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng biện pháp phạt tiền đối với bị cáo Nông Văn Đ.

**[3] Về trách nhiệm dân sự:** Do bà Phạm Thị V không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với bà Phạm Thị V không được đặt ra để xem xét giải quyết.

**[4] Về án phí:** Buộc bị cáo Nông Văn Đ phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**[5] Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị V là bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; bị hại;
- VKS huyện Na Rì; VKS tỉnh Bắc Kạn;
- TA tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp Bắc Kạn;
- Công an huyện N;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng quản lý hồ sơ CA Huyện;
- UBND thị trấn Y;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Lưu Hồ sơ. 

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**TRẦN QUANG HÒA**